

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST
Ngày 13/8/2020
“V/v: tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo; 2. Bà H' Lum Niê.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 106/2020/TLST – DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn T (Có mặt)

Địa chỉ: số 18 đường L, Tổ dân phố 6, Thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn KB, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn T trình bày:

Ông bà có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị T. Ngày 26/7/2018 vợ chồng ông bà cho bà T vay số tiền 12.000.000đ. Khi vay các bên thỏa thuận về lãi suất, bà T hẹn đến ngày 25/12/2018 thì sẽ thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà T không thực hiện nghĩa vụ nên ngày 22/8/2019 ông bà có khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu giải quyết vụ án. Tại Tòa án bà T có thỏa thuận lại đến ngày 30/12/2019 thì bà T sẽ trả đủ nên ông bà rút yêu cầu khởi kiện. Nay bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa trả nợ nên vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền 12.000.000đ (mười hai

triệu đồng) và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 26/7/2018 cho đến khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Khi vay tiền chỉ có bà T vay, không có chồng bà T nên ông bà chỉ khởi kiện một mình bà T.

Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có L do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bà T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 280; 463; 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị T trả nợ cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có L do. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về số nợ: Ngày 26/7/2018 bà Nguyễn Thị T vay của vợ chồng bà L, ông T với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), phía dưới mục người vay có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị T.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án dân sự thụ L số 344/2019/TLST-DS ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn T với bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà T đã thừa nhận bà T có

vay của bà L, ông T số tiền 12.000.000 đồng và xác định chữ ký trong giấy vay tiền ngày 26/7/2018 là do bà T ký và viết ra (tại bản tự khai ngày 04/11/2019). Bà T hẹn đến ngày 30/12/2019 sẽ trả nợ cho bà L ông T nên bà L ông T đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bà T đã không thực hiện như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Hoàng Văn T số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) là phù hợp.

[3.2] Về lãi suất: Theo giấy vay tiền lập ngày 26/7/2018, lãi suất do nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 10%/ năm (0,83%/tháng) kể từ ngày vay, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận; đồng thời lấy ngày hẹn trả nợ mà các bên thỏa thuận lần cuối là ngày 30/12/2019 để tính lãi quá hạn. Cụ thể các khoản lãi được tính như sau:

- Từ ngày 26/7/2018 đến ngày 30/12/2019 là: 01 năm 05 tháng 04 ngày (519 ngày) x 12.000.000 đồng x 0,83% : 30 = 1.723.000 đồng.

- Từ ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử (13/8/2020) là 07 tháng 13 ngày (223 ngày) x 12.000.000 đồng x 0,83% : 30 x 150% = 1.110.000 đồng.

Lãi suất quá hạn: 1.723.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 07 tháng 13 ngày = 106.000 đồng.

Tổng số tiền mà bị đơn bà T có có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà L, ông T là 14.939.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 12.000.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 2.939.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 14.939.000 đồng x 5% = 746.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn T số tiền 14.939.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm ba mươi chín ngàn đồng). Trong đó: nợ gốc là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), tiền lãi suất phát sinh là 2.939.000 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 746.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền **336.000 đồng tạm ứng án phí** theo biên lai thu số AA/2017/0004314 ngày 10/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý